TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC HÓA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 25-5-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Mai

2. Ông Võ Ngọc Bột

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương T L, sinh năm 1966; Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Trần T C, sinh năm 1993; Địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Bà L có mặt, ông C vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương T L: Yêu cầu ông Trần T C trả số nợ gốc là 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Biên nhận nợ ngày 23-02-2018.

- Ý kiến của bị đơn ông Trần T C: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần T C vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Tình tiết vụ án:

Nguyên đơn bà Dương T L trình bày: Vào ngày 23-02-2018, ông C có vay của bà L số tiền 15.100.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả là 60 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ, ông C vẫn chưa trả tiền cho bà L theo thỏa thuận kéo dài đến hiện nay. Mặc dù ông C vay số tiền 15.100.000 đồng nhưng bà L xác định chỉ yêu cầu số tiền 15.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Trần T C, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Dương T L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần T C trả số tiền 15.000.000 đồng. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần T C:

Xét thấy ông Trần T C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần T C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương T L:

Bà Dương T L yêu cầu ông Trần T C trả số tiền gốc là 15.000.000 đồng. Chứng cứ bà L đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên nhận nợ ngày 23-02-2018, biên nhận có nội dung như sau:

"Tôi tên Trần T C Sinh năm 1993……

Có mượn của Dương T L số tiền 15.100.000

Bằng chữ: mười lăm triệu một trăm

Thời hạn trả 60 ngày tôi sẽ trả đủ cho Dương T L….."

Phía dưới có ghi *"Tân Thành, ngày 23 tháng 2 năm 2018"* và tại mục *"Bên nhận nợ"* có chữ ký và chữ viết họ tên *"Trần T C"*.

Xét thấy ông C đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và bản sao biên nhận nợ ngày 23-02-2018 nên ông C đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của bà L nhưng ông C không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân

sự, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của bà L và chứng cứ biên nhận nợ ngày 23-02-2018 là đúng sự thật và có đủ căn cứ để xác định ông C có vay của bà L số tiền 15.100.000 đồng.

Căn cứ biên nhận nợ ngày 23-02-2018, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là 60 ngày nên kể từ ngày 25-4-2018, ông C phải có nghĩa vụ trả tiền vay cho bà L, ông C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông C vay của bà L số tiền 15.100.000 đồng nên bà L khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền gốc 15.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với tiền lãi: Bà L xác định hai bên không thỏa thuận lãi suất và bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà L xác định hai bên không thỏa thuận trả lãi khi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Ông Trần T C có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 750.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của bà Dương T L được chấp nhận).

Bà Dương T L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương T L đối với ông Trần T C.

Buộc ông Trần T C trả cho bà Dương T L số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần T C có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Dương T L không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003231 ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương T L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần T C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Trọng